

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (mới ban hành)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý, Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 1672/TTr-KKTCN và Tờ trình số 1673/TTr-KKTCN ngày 22 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 15 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và 01 quy trình nội bộ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế. (Có Phụ lục kèm theo).


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

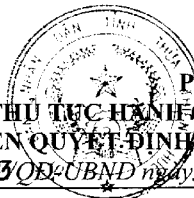
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình



Phụ lục I

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2443~~ **2443**/QĐ-UBND ngày **30** tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH

| STT | Tên Quy trình (Mã số TTHC) | Quyết định công bố Danh mục TTHC |
|---------------------------------------|---|---|
| I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | | |
| 1. | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009974) | Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (bao gồm thẩm quyền giải quyết Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh) |
| 2. | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009975) | |
| 3. | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009976) | |
| 4. | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009977) | |
| 5. | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009978) | |

| | | |
|-----|---|--|
| 6. | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009979) | |
| 7. | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (1.009972) | |
| 8. | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (1.009973) | |
| 9. | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (1.009794) | |
| 10. | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009994) | |
| 11. | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009995) | Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh |
| 12. | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009996) | |
| 13. | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009997) | |

| | | |
|-----|---|--|
| 14. | Gian hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009998) | |
| 15. | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009999) | |

Phần II. QUY TRÌNH NỘI BỘ CỤ THỂ

1. Quy trình cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009974)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép xây dựng. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép xây dựng. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép xây dựng. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục | 02 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | | vụ hành chính công tình. | |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tình | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

2. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009975)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tình. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tình. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, | Ký Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | công nghiệp | | |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

3. Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.009976)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 76 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép di dời công trình. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép di dời công trình. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | . |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

4. Quy trình Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009977)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | | |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép điều chỉnh. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy điều chỉnh | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép điều chỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

5. Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến theo quy định đô thị/Dự án) (1.009978)

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| | nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép gia hạn. | 22 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận Giấy phép gia hạn | 06 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép gia hạn. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | . |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

6. Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009979)

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép. | 22 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận Giấy phép. | 06 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |

| | | | |
|---------------------------------------|----------------------|--|------------------------|
| | hành chính công tỉnh | | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

7. Quy trình Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (1.009972)

- Thời hạn giải quyết: Dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Không thụ lý dự án Nhóm A theo Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc phân cấp, ủy quyền cho BQL Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh)

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (HCC) tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, dự thảo văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ kèm theo hồ sơ để trả lại qua (Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh). - Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan thì yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự thảo văn bản thông báo trả hồ | 34 giờ làm việc |

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|--|---|
| | | sơ kèm theo hồ sơ để trả lại qua (Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh). - Đề xuất văn bản lấy ý kiến về PCCC (trong trường hợp có yêu cầu) | |
| | | Tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, trình báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt/thông báo kết quả thẩm định. | 146 giờ làm việc dự án nhóm B |
| | | | 66 giờ làm việc dự án nhóm C |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, ký báo cáo thẩm định, xác nhận dự thảo Quyết định phê duyệt/ thông báo kết quả thẩm định. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | Ký Quyết định phê duyệt/ thông báo kết quả thẩm định. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (điện tử và bản giấy) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 200 giờ làm việc làm việc dự án nhóm B |
| | | | 120 giờ làm việc |

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|------------------------|--------------------|---------------------|
| | | | dự án nhóm C |

8. Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (1.009973)

- Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 15 ngày đối với công trình còn lại.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (HCC) tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, dự thảo văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ kèm theo hồ sơ để trả lại qua (Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh). - Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp câu các cơ quan, tổ chức có liên quan thì yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự thảo văn bản thông báo trả hồ | 34 giờ làm việc |

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|--|--|
| | | sơ kèm theo hồ sơ để trả lại qua (Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh). | |
| | | Tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, trình báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt/thông báo kết quả thẩm định. | 146 giờ làm việc công trình cấp II, III 66 giờ làm việc đối với các công trình còn lại. |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, ký báo cáo thẩm định, xác nhận dự thảo thông báo kết quả thẩm định. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | Ký thông báo kết quả thẩm định. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (điện tử và bản giấy) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 200 giờ làm việc công trình cấp II, III |
| | | | 120 giờ làm việc đối với công trình còn lại |

9. Kiểm tra Công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm

tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (1.009794).

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|-------------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý KKT, CN tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm PVHCC tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường (Phòng QH, XD, TN&MT). | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng QH, XD, TN&MT | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng QH, XD, TN&MT | Xem xét, thẩm định, tham mưu ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu. | 140 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng QH, XD, TN&MT | Xem xét, xác nhận dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý KKT, CN | Ký Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý KKT, CN | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (điện tử và bản giấy) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý KKT, CN tại Trung tâm PVHCC tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức/ doanh nghiệp. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 160 giờ làm việc |

10. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009994)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép xây dựng. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép xây dựng. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép xây dựng. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

11. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009995)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, | Ký Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | công nghiệp | | |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

12. Quy trình Cấp giấy phép đi dòi đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009996)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo | 76 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | | Giấy phép sửa chữa, cải tạo. | |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy phép di dời công trình. | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép di dời công trình. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

13. Quy trình Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009997)

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | tỉnh. | | |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép điều chỉnh. | 76 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận dự thảo Giấy điều chỉnh | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép điều chỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 96 giờ làm việc |

14. Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009998)

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian |
|--------|------------------------|--------------------|-----------|
|--------|------------------------|--------------------|-----------|

| công việc | | | thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép gia hạn. | 22 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận Giấy phép gia hạn | 06 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép gia hạn. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

15. Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009999)

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|--|---------------------|
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức, cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường | Xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; dự thảo Giấy phép. | 22 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. | Xem xét, xác nhận Báo cáo thẩm định của Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; xác nhận Giấy phép. | 06 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Ký Giấy phép. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính | 02 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| | | công tỉnh. | |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |



Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2413~~ **2254**/QĐ-UBND ngày ~~30~~ **13** tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC QUY TRÌNH

| STT | Tên Quy trình (Mã số TTHC) | Quyết định công bố danh mục TTHC |
|-----|---|---|
| 1. | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư (1.002630) | Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (bao gồm thẩm quyền giải quyết Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh) |

Phần II. QUY TRÌNH NỘI BỘ CỤ THỂ

1. Quy trình Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư (1.002630)

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Ban Quản lý 20 ngày và UBND tỉnh 10 ngày.

- Quy trình nội bộ:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|---|---|-------------------------|
| I | Quy trình thực hiện tại Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | | 160 giờ làm việc |
| Bước 1 | - Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý KKT, CN tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. - Bộ phận HC-TH của Trung tâm PVHCC tỉnh. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho Lãnh đạo Phòng Quy hoạch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường (Phòng QH, XD, TN&MT). | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng QH, XD, TN&MT | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên Phòng QH, XD, TN&MT | Kiểm tra hồ sơ, soạn văn bản lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan, tổng hợp ý kiến; soạn thảo Tờ trình, dự thảo quyết định, trình lãnh đạo Phòng | 140 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Phòng QH, XD, TN&MT | Xem xét, xác nhận trình hồ sơ Quyết định chuyển nhượng | 08 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Ban Quản lý KKT, CN | Ký duyệt hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ (<i>điện tử và bản giấy</i>) cho Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | 02 giờ làm việc |

| | | | |
|-----------|---|---|-------------------------|
| | | tỉnh. | |
| II | Quy trình thực hiện tại UBND tỉnh | | 80 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV HCC tỉnh. | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý | 02 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt | 68 giờ làm việc |
| Bước 9 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, ký văn bản | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt văn bản | 04 giờ làm việc |
| Bước 11 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển văn bản (điện tử và bản giấy) cho Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý tại Trung tâm PV HCC tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của Ban Quản lý KKT, CN tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức. | |
| | Tổng thời gian giải quyết TTHC | | 240 giờ làm việc |